| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2019
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh C

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Văn On

*Các Hội thẩm nhân dân dân*:

Bà Nguyễn Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Lê Vi C, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Lê Vi C tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến

năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống và ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng nếu kéo dài sẽ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Vi C. Về nuôi con chung có 03 con tên Lê Công Danh, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2003, Lê Thị Kiều Khanh, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Thùy Dương, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2013, hiện 03 cháu đang sống với mẹ. Khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 đứa con chung, không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con. Về chia tài sản không có, về nợ chung không có nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lê Vi C trình bày: Thống nhất như cô Nguyễn Thị T trình bày về thời gian, về điều kiện kết hôn, về con chung, về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Riêng đối với tình cảm nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do cô T tự ý bỏ đi và sống chung với người đàn ông khác (tài xế xe của tôi), tôi có khuyên cang cô T về chung sống lại và nuôi các con nhưng cô T không đồng ý. Nay tôi vẫn còn thương vợ và mong muốn vợ quay lại chung sống để cùng nuôi các con, nên tôi không đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Vi C có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Vi C được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Vi C. Về con chung có 03 đứa con chung hiện đang sống với mẹ, sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ

đóng góp nuôi con. Về chia tài sản không có, về nợ chung không có nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Anh Lê Vi C không đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị T vì nại ra rằng vẫn còn thương vợ và mong muốn vợ quay lại chung sống để cùng nuôi các con.

[5] Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tổ chức đăng ký kết hôn. Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên.

- Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

- Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

- Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây: a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;…

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Vi C sống có hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Đối với yêu cầu của anh C cho rằng vẫn còn thương vợ và mong muốn vợ quay lại chung sống để cùng nuôi các con nhưng anh C chỉ nói chứ không thể hiện được tâm tư, tình cảm của mình là vẫn còn thương vợ thương con và mong muốn vợ, con về chung sống lại. Cụ thể từ khi

ly thân cho đến nay anh chị không tự gặp nhau hòa giải, giải quyết những vướng mắc, mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ tình cảm vợ chồng, từ đó vợ chồng mới xóa bỏ mặc cảm, tự ti để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, mà cứ để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nghĩ nên cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Vi C ly hôn là phù hợp. Về nuôi con chung có 03 con tên Lê Công Danh, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2003, Lê Thị Kiều Khanh, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Thùy Dương, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2013, hiện 03 cháu đang sống với mẹ và các cháu có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì tiếp tục chung sống với mẹ. Chị T yêu cầu sau ly hôn với anh C yêu cầu tiếp tục nuôi 03 đứa con chung, không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con. Về chia tài sản không có, về nợ chung không có nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004875 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11-14-85-89-92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Vi C

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi 03 con chung tên Lê Công Danh, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2003, Lê Thị Kiều Khanh, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Thùy Dương, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2013, hiện các cháu đang sống với mẹ. Chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004875 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Văn On**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự; (để thi hành)
- UBND phường 16, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.Phòng.